

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Bộ tiêu chí thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu
trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2019 - 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, ngày 22/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới, giai đoạn 2016 - 2020; Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; Quyết định số 691/QĐ-TTg ngày 05/6/2018 về việc ban hành tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu, giai đoạn 2018 - 2020 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1415/2017/QĐ-UBND ngày 03/5/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ Quyết định số 2392/2017/QĐ-UBND ngày 6/7/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố "Thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới" trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2017 - 2020;

Căn cứ chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy tại Công văn số 4582-CV/VPTU ngày 31/7/2019 về việc giao tổ chức thực hiện Bộ tiêu chí thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2019 - 2020;

Xét đề nghị của Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh tại Tờ trình số 434/TTr-VPĐP ngày 12/8/2019, của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 504/BCTĐ-STP ngày 07/11/2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2019 - 2020.

Điều 2. Nhiệm vụ các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và các địa phương:

1. Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh:

a) Phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan hướng dẫn thực hiện các tiêu chí thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu; chỉ đạo, kiểm tra và tổng hợp báo cáo Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh, UBND tỉnh kết quả thực hiện tiêu chí thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu.

b) Phối hợp với BCD, UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo, hướng dẫn thôn, bản thực hiện các tiêu chí thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu và trình tự, thủ tục xét, công nhận, công bố thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

2. Các Sở, ban, ngành liên quan: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh, BCD, UBND các huyện, thị xã, thành phố:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các địa phương hoàn thành các tiêu chí thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu.

b) Lồng ghép các chương trình, dự án để ưu tiên hỗ trợ các thôn, bản có đăng ký phân đấu đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu theo kế hoạch.

3. UBND các huyện, thị xã, thành phố:

a) Căn cứ Bộ tiêu chí thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu được ban hành và điều kiện thực tế của địa phương, lựa chọn những thôn, bản có điều kiện, lợi thế để tập trung chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các xã, thôn thực hiện xây dựng thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu.

b) Tổ chức xét, công nhận và công bố thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu: Thực hiện như quy định tại Quyết định số 2392/2017/QĐ-UBND ngày 06/7/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố “thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2017 - 2020.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/9/2019.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chánh Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã; Trưởng các thôn, bản và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- BCD TW CT MTQG xây dựng NTM (để báo cáo);
- Bộ NN&PTNT (để báo cáo);
- VPĐP NTM Trung ương (để báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- T. trực Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh, UBND tỉnh (để báo cáo);
- Các thành viên BCD tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, PqNN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Xứng

**BỘ TIÊU CHÍ THÔN, BẢN NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU,
TỈNH THANH HÓA, GIAI ĐOẠN 2019-2020**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 26 /2019/QĐ-UBND ngày 21 /8/2019 của
UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
1	Phát triển kinh tế	1.1. Thôn, bản có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực của địa phương (hoạt động ổn định trong 01 năm trước khi xét).	Đạt
		1.2. Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động.	≥ 95%
2	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người) bằng 1,5 lần đối với mức quy định xã nông thôn mới trong năm xét công nhận.	Đạt
3	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều (trừ các trường hợp thuộc diện bảo trợ xã hội theo quy định, hoặc do tai nạn rủi ro bất khả kháng, hoặc do bệnh hiểm nghèo).	0%
4	Nhà ở và khuôn viên nông hộ	4.1. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn của Bộ xây dựng.	100%
		4.2. Đồ đạc căn hộ mỗi gia đình được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, khoa học; các công trình phụ trợ thuận tiện cho sinh hoạt, hợp vệ sinh, đảm bảo mỹ quan.	Đạt
		4.3. Vườn hộ - vườn nằm trong khuôn viên hộ gia đình: - Có bản vẽ hoặc sơ đồ quy hoạch được UBND xã xác nhận. - Có cảnh quan đẹp, hài hòa; có sản phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. - Thu nhập từ vườn hàng năm: tối thiểu đạt 25 triệu đồng/500m ² .	Đạt
		4.4. Tỷ lệ hộ chăn nuôi (nếu có): Đúng quy cách kỹ thuật, có sử dụng bể biogas hoặc chế phẩm sinh học, đảm bảo vệ sinh môi trường.	100%
		4.5. Tỷ lệ hộ gia đình có tường rào (nếu có) bằng cây xanh hoặc tường rào kết hợp hài hòa với trồng cây xanh, cây hoa.	≥ 65%

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
5	Giao thông	5.1. Đường trục chính thôn, bản:	
		- Tỷ lệ km đường được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, chiều rộng nền đường tối thiểu 5,0m, chiều rộng mặt đường tối thiểu 4,0m.	100%
		- Các tuyến đường có rãnh tiêu thoát nước, rãnh dọc tiêu thoát nước sinh hoạt khu dân cư có nắp đậy.	≥ 60%
		- Có biển báo giao thông đầu các trục đường thôn (biển báo hạn chế tải trọng xe, biển chỉ dẫn,...).	Đạt
		- Tỷ lệ km đường được trồng hoa hoặc trồng cây xanh; có hệ thống điện chiếu sáng.	≥80%
		5.2. Đường ngõ, xóm:	
		- Tỷ lệ km đường được nhựa hóa hoặc bê tông hóa.	100%
		- Các tuyến đường có rãnh tiêu thoát nước.	100%
		5.3. Đường trục chính nội đồng hoặc khu sản xuất (nếu có): Đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm, chiều rộng nền đường tối thiểu 5,0m, chiều rộng mặt đường tối thiểu 4,0m.	100% (≥80% cứng hóa)
6	Giáo dục và Đào tạo	6.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học mức độ 3 và đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.	Đạt
		6.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông và học nghề.	≥ 98%
		6.3. Có phong trào khuyến học, khuyến tài, học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập tốt được công nhận là “Cộng đồng học tập” do UBND xã ký Quyết định công nhận và được Hội Khuyến học cấp huyện tặng giấy khen.	Đạt
		6.4. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo.	≥ 75%

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
7	Y tế	7.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế.	$\geq 95\%$
		7.2. Có nhân viên y tế thôn, bản được đào tạo theo Chương trình do Bộ y tế quy định, thường xuyên hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao.	Đạt
		7.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi).	$\leq 10\%$
		7.4. Có triển khai hoặc phối hợp, tham gia triển khai các biện pháp nhằm giảm mất cân bằng giới tính khi sinh.	Đạt
		7.5. Không phát sinh đối tượng mắc bệnh xã hội trong năm.	Đạt
		8.1. Có nhà văn hóa, khu thể thao thôn, bản phục vụ cộng đồng đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	Đạt
8	Văn hóa	8.2. Tường rào của nhà văn hoá, khu thể thao thôn, bản bằng cây xanh hoặc tường rào khác được phủ cây xanh.	100%
		8.3. Trong khuôn viên nhà văn hóa, khu thể thao thôn, bản trồng cây xanh hoặc trồng hoa hài hòa, hợp lý.	Đạt
		8.4. Có tủ sách (trên 50 đầu sách các loại) tại nhà văn hóa thôn, bản.	Đạt
		8.5. Được công nhận và giữ vững danh hiệu “Thôn, bản văn hóa” 5 năm liên tục theo quy định tại Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ”.	Đạt
		8.6. Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa” 3 năm liên tục theo Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ.	$\geq 80\%$
		8.7. Có hương ước, quy ước được UBND cấp huyện quyết định công nhận và 100% người dân thực hiện hương ước, quy ước.	Đạt
		8.8. Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu “Gia đình kiểu mẫu”	$\geq 75\%$
		9	Môi trường và an toàn thực phẩm
9.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất – kinh doanh, dịch vụ, nuôi trồng thủy sản, làng nghề (nếu có) thực hiện xử lý rác thải đạt tiêu chuẩn và đảm bảo bền vững, xử lý nước thải đảm bảo vệ sinh môi trường và không gây bức xúc đối	100%		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
		với khu dân cư liền kề.	
		9.3. Đường thôn, bản, ngõ xóm, cảnh quan nơi ở từng hộ xanh - sạch - đẹp, không có hoạt động làm suy giảm môi trường.	Đạt
		9.4. Mai táng phù hợp với quy định tại Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng và đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định của Bộ Y tế; việc mai táng được thực hiện tại vị trí xác định theo quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt.	Đạt
		9.5. Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý theo đúng quy định.	100%
		9.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch theo quy định.	100%
		9.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.	100%
		9.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.	100%
		9.9. Có mô hình bảo vệ môi trường (tổ, đội, nhóm tham gia thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, vệ sinh đường làng ngõ xóm và các khu công cộng; câu lạc bộ, đội tuyên truyền về bảo vệ môi trường) hoạt động thường xuyên, hiệu quả, thu hút được sự tham gia của cộng đồng.	Đạt
10	Thủy lợi	Hệ thống thủy lợi liên quan đến thôn, bản cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất, dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ, hướng tới áp dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.	Đạt
11	Điện	Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn theo quy định của Bộ Công Thương.	100%
12	Thông tin và truyền thông	12.1. Có dịch vụ viễn thông, internet theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.	Đạt
		12.2. Có hệ thống loa kết nối với Đài truyền thanh xã đang sử dụng tốt.	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
13	Hệ thống chính trị; chấp hành pháp luật	13.1. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị theo quy định.	Đạt
		13.2. Chi bộ được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.	Đạt
		13.3. Chi bộ có Nghị quyết chuyên đề về xây dựng thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu.	Đạt
		13.4. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.	Đạt
		14.1. Thực hiện tốt nhiệm vụ đăng ký, quản lý, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, phương tiện kỹ thuật, hoàn thành tốt nhiệm vụ tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ hàng năm.	Đạt
		14.2. Tham gia đầy đủ chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh cho các đối tượng theo kế hoạch của cấp trên; thực hiện tốt công tác phổ biến kiến thức quốc phòng - an ninh cho toàn dân; hoàn thành tốt nhiệm vụ huấn luyện, diễn tập phòng chống lụt bão, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn và nhiệm vụ đột xuất khác.	Đạt
14	Quốc phòng và An ninh	14.3. Không có tổ chức, cá nhân hoạt động chống Đảng, chính quyền, phá hoại kinh tế; truyền đạo trái phép; khiếu kiện đông người trái pháp luật.	Đạt
		14.4. Không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và các vi phạm pháp luật khác được kiểm chế, giảm so với năm trước, không phát sinh thêm người mắc các tệ nạn xã hội trên địa bàn; không để xảy ra trọng án.	Đạt
		14.5. Được công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” theo quy định của Bộ Công an.	Đạt